

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 14/2018/DS-PT
Ngày: 12 – 3 - 2018
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phấn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đăng Phồn
Bà Thái Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Văn Dương, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Nam – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử công khai vụ án thụ lý số 69/2017/TLPT- DS ngày 15 tháng 11 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 33/2017/DSST ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXX- PT ngày 09 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đoàn Thanh H(Tên gọi khác: Đoàn Văn H), sinh năm 1962; Cư trú tại: Xóm 7, xã Trung S, huyện Đô L, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ủy ban nhân dân xã Trung S, huyện Đô L, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Văn L, sinh năm 1969; Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Trung S. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1963 (Vợ ông H). Địa chỉ: Xóm 7, xã Trung S, huyện Đô L, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt. Bà L ủy quyền cho ông Đoàn Thanh H. Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Đoàn Thanh H, là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án sơ thẩm vụ án có nội dung: Trong đơn khởi kiện đề ngày 16/3/2016, các lời khai, hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm Ông Đoàn Thanh H và bà Hoàng Thị L (Vợ ông H) thống nhất trình bày: Vợ chồng ông H, bà L có cho Ủy ban nhân dân xã Trung S vay tiền mặt 2 lần; Lần thứ nhất vào ngày 20/11/1996 cho vay 6.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, không xác định thời hạn; lần thứ hai vào ngày 20/3/1997 cho vay 4.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, không xác định thời hạn. Hai lần vay này được UBND xã Trung S xác nhận bằng phiếu thu số 201 và 05. Vợ chồng ông H, bà L đã được nhận tiền lãi của hai hợp đồng vay tiền đến ngày 27/12/1997 với tổng số tiền là 2.880.000 đồng. Kể từ sau ngày 27/12/1997 đến ngày 18/8/2006, UBND xã Trung S chỉ trả cho ông H, bà L 4.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi là 6.600.000 đồng bằng hình thức trừ vào nghĩa vụ nhà nước hàng năm mà ông, bà phải nộp cho xã; mỗi lần trả ông H đều phải viết giấy đề nghị. Từ sau thời điểm ngày 18/8/2006, năm 2007 cho đến nay, ông H, bà L đã nhiều lần trực tiếp yêu cầu cũng như viết đơn đề nghị UBND xã Trung S trả tiền gốc và lãi nhưng UBND xã Trung S không thực hiện, thậm chí Chủ tịch UBND xã các kỳ trước đây như ông Nguyễn Văn Hải, ông Nguyễn Ngọc Hòa đều trả lời là không trả cho vợ chồng ông nữa. Vào năm 2014, ông H có nộp đơn đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp này nhưng chưa được giải quyết. Sở dĩ ông H, bà L khẳng định số tiền gốc 6.000.000 đồng chưa trả là vì; trong mặt thứ 2 của Phiếu thu 201 mỗi lần trả tiền, UBND xã Trung S chỉ viết nội dung thanh toán tiền lãi, không có nội dung nào phản ánh trả tiền gốc cả. Còn việc vợ chồng ông H, bà L viết trong đơn kiến nghị ngày 24/6/2013 gửi Chủ tịch UBND huyện Đô L với nội dung UBND xã Trung S đã trả hết tiền gốc 10.000.000 đồng là do ông bà không kiểm tra lại nội dung ghi ở mặt sau của các Phiếu thu và cũng do quá tin tưởng vào lời nói của các cán bộ xã. Nay, ông H, bà L yêu cầu Tòa án buộc UBND xã Trung S trả lại cho ông bà số tiền gốc là 6.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền gốc 6.000.000 đồng + tiền lãi của số tiền gốc 4.000.000 đồng tính từ ngày 01/01/1998 đến ngày xét xử là 343.072.412 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 349.072.412 đồng.

Ông Đoàn Văn L, người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân xã Trung S trình bày: Vào ngày 14/3/1994, Hội đồng nhân dân xã Trung Sơn đã ban hành Nghị quyết số 15/NQ-HĐND về việc phê chuẩn cho UBND vay vốn vận dụng để xây dựng cơ sở vật chất. Thực hiện Nghị quyết, UBND xã Trung S đã tiến hành việc huy động vốn vay trong nhân dân trên địa bàn xã nhằm tìm kiếm nguồn vốn xây dựng trường tiểu học và nhà bia tưởng niệm. Trong số những người cho vay có vợ chồng ông H, bà L 02 lần với số tiền cho vay là 10.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng

và không xác định thời hạn. UBND xã Trung Sđã ghi phiếu thu số 201 ngày 20/11/1996 số tiền 6.000.000đ và số 05 ngày 20/3/1997 số tiền 4.000.000đ để xác nhận giao dịch vay tài sản giữa xã với ông H, bà L. Số tiền lãi UBND xã đã trả cho nguyên đơn đến ngày 27/12/1997 là 2.880.000 đồng và thêm 600.000 đồng vào ngày 21/6/2002. Tuy nhiên, do có sai phạm trong việc thu, chi ngân sách cũng như một số nội dung quản lý hành chính khác nên UBND huyện Đô Lương đã tiến hành thanh kiểm tra toàn diện UBND xã Trung Strong thời gian từ năm 1995 đến 1997. Căn cứ vào báo cáo kết luận số 05BC/T.Tr ngày 02/8/1998 của Đoàn thanh tra ngân sách tại xã Trung Sơn và Quyết định số 274QĐ/UB ngày 13/8/1998 của UBND huyện Đô Lương về việc chuẩn y Báo cáo kết luận số 05, UBND xã Trung Sđã nghiêm chỉnh chấp hành việc chi trả các khoản nợ của cá nhân, tổ chức trên địa bàn phát sinh trước thời gian năm 1998. Tuy nhiên, do nguồn thu ngân sách của xã ít, các khoản nợ nhiều nên ảnh hưởng đến kết quả chi trả. Cụ thể, trường hợp của ông H, bà L, UBND xã phải vận dụng việc trừ vào phương án thực hiện nghĩa vụ nhà nước hàng năm của gia đình họ để cân trừ vào khoản nợ. Vì vậy, đến 18/8/2006, UBND xã Trung Smới hoàn thành việc trả toàn bộ số tiền nợ gồm gốc 10.000.000 đồng và toàn bộ tiền lãi 3.480.000 đồng. Mỗi lần chi trả ông H đều viết giấy đề nghị và có Phiếu chi ghi rõ các khoản chi trả lãi và trả gốc. UBND xã Trung Sxác định, toàn bộ số nợ gốc đã trả đủ. Ngoài ra, trong các tài liệu mà UBND xã đã giao nộp thêm tại phiên tòa thì nội dung đơn kiến nghị của ông H, các biên bản làm việc tại UBND xã đều thể hiện ông H đã nhận được toàn bộ tiền gốc; ông H đã được xem, đối chiếu các chứng từ kế toán tại UBND xã và chỉ yêu cầu trả tiền lãi trên nợ gốc mà thôi. Việc ông H cho rằng, mặt sau của Phiếu thu 201 ngày 20/11/1996 không phản ánh là trả gốc hay trả lãi là không phù hợp vì, nếu trả lãi thì kế toán phải ghi rõ thời gian tính lãi và mức trả lãi phù hợp với lãi suất tính trên nợ gốc. Ông H, bà Lkhởi kiện buộc UBND xã Trung Sphải trả tiền gốc 6.000.000 đồng và tiền lãi là 343.072.412 đồng thì UBND xã Trung Skhông đồng ý và yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng để giải quyết vụ án.

Tại Bản án số 33/2017/DSST ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An quyết định: Căn cứ vào các Điều 131, 473, 474 Bộ luật dân sự năm 1995; Điểm e khoản 1 điều 217, khoản 3 Điều 218, khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 154, Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015. Xử:

Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi tiền lãi 343.072.412 đồng.

Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi lại số tiền gốc 6.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ của người phải chịu án phí, quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/9/2017, Ông Đoàn Thanh H có đơn kháng cáo với nội dung: Không nhất trí với bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Đề nghị cấp phúc thẩm; Buộc UBND xã Trung S phải thực hiện đúng như lời cam kết ban đầu; Cho ông được quyền xem những phiếu chi trả bằng phiếu gốc của UBND xã và các chứng từ có liên quan đến vụ án đều bằng gốc, không cung cấp tài liệu phô tô; Yêu cầu giải quyết theo nội dung trả lại đơn thư của UBND xã Trung S ngày 13/11/2012.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Ông Đoàn Thanh H giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán, hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung: Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông Đoàn Thanh H, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm buộc Ủy ban nhân dân xã Trung S phải trả tiền lãi suất trên số nợ vay từng giai đoạn cho vợ chồng ông H, bà L theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận và ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An. Xét kháng cáo của ông Đoàn Thanh H, Hội đồng xét xử nhận định:

Thực hiện Nghị quyết Hội đồng nhân dân, năm 1994 Ủy ban nhân dân xã Trung S có chủ trương huy động vốn nhân rồi trong nhân dân để xây dựng các công trình phúc lợi của xã. Ủy ban nhân dân xã Trung S đã vay của vợ chồng Ông Đoàn Thanh H và bà Hoàng Thị L tại phiếu thu số 201 ngày 20/11/1996 vay 6.000.000 không có kỳ hạn, lãi suất 02%/tháng và Phiếu thu số 05 ngày 20/3/1997 vay 4.000.000đ không kỳ hạn, lãi suất 02%/tháng. Tổng cộng hai lần vay là 10.000.000đ.

Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án; tại các phiếu chi của Ủy ban nhân dân xã Trung S về việc thanh toán nợ gốc và lãi suất cho vợ chồng ông H, bà L từ bút lục số 25 đến bút lục số 51 đã đối chiếu với chứng từ gốc do Ủy ban nhân dân xã Trung S xuất trình. Tại 10 Phiếu chi phản ánh, từ tháng 10/1997 đến ngày 18/8/2006 Ủy ban nhân dân xã Trung S đã trả cho vợ chồng ông H 10 lần tiền nợ gốc tổng số tiền 10.000.000đ. Các phiếu chi ông H đều ký nhận tiền và trước khi Xả chi tiền ông H

đều có viết giấy đề xuất, yêu cầu thanh toán. Mặt khác tại các Biên bản làm việc ngày 21/12/2012, ngày 16/01/2013, ngày 06/4/2013 (Bl,89,91,92) có sự tham gia của Ông Đoàn Thanh Hà và Đơn xin kiến nghị ngày 24/6/2013 (Bl,90) ông H cũng đã thừa nhận: Vợ chồng Ông Đoàn Thanh Hà đã được Ủy ban nhân dân xã Trung S trả toàn bộ 10.000.000đ tiền nợ gốc. Và ông H, bà L cũng thừa nhận trong đơn kiến nghị gửi UBND huyện Đô L có nội dung UBND xã Trung S đã trả hết số tiền gốc 10.000.000đ và tại đơn kháng cáo ngày 11/9/2017 ông H lại xác định: Đến năm 2005 UBND xã Trung S trả cho vợ chồng ông H 7.000.000đ tiền gốc, nay còn nợ 3.000.000đ. Như vậy lời nại vợ chồng ông H, bà L trước và sau không phù hợp. Do đó cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của vợ chồng ông H, bà L đòi Ủy ban nhân dân xã Trung S thanh toán số tiền gốc còn thiếu 6.000.000đ là có căn cứ.

Đối với yêu cầu của vợ chồng Ông Đoàn Thanh Hà và bà Hoàng Thị Lính lãi suất 2%/tháng thấy rằng: Theo đại diện của Ủy ban nhân dân xã Trung S xác định; Tại các cuộc làm việc ngày 16/01/2013 và ngày 06/4/2013, theo kết luận thanh tra của Ủy ban nhân dân huyện Đô L năm 1997 thì Ủy ban chỉ trả tiền nợ gốc cho các hộ đã cho xã vay, còn tiền lãi khoan và không trả. Tại Quyết định số 274 ngày 13/8/1998 của UBND huyện Đô L về việc chuẩn y báo cáo kết luận số 05 ngày 02/8/1998 về việc thanh tra quản lý thu chi tại UBND xã Trung S, tại mục 2, phần I kiến nghị UBND xã Trung S có nội dung; Chấm dứt việc phát sinh tiền vay, để đảm bảo công tác yên dân, khoản nợ gốc tiền vay chuyển năm 1998 UBND xã Trung S phải có kế hoạch trong việc chi trả công bằng hợp lý. Căn cứ các chứng từ về việc chi trả của UBND xã Trung S cho vợ chồng ông H, bà L từ năm 1998 đến năm 2006 chủ yếu chỉ trả nợ gốc, chỉ trả 01 lần tiền lãi tại phiếu chi số 70 ngày 21/6/2002 là 600.000đ (Bl,34). Sau khi có kết luận của thanh tra thì từ tháng 6/1998 đến ngày 18/8/2006 UBND xã Trung S chỉ trả dần nợ gốc cho vợ chồng ông H, bà L mà không trả lãi theo thỏa thuận trên số nợ gốc còn lại. Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án thì vợ chồng ông H đã có kiến nghị việc UBND xã Trung S không trả nợ kéo dài. Và vào năm 2013 giữa UBND xã và vợ chồng ông H xác định số tiền nợ gốc đã thanh toán hết. Còn tiền lãi suất UBND xã Trung S cho rằng, theo kết luận của thanh tra thì Ủy ban xã không trả. Như vậy, năm 2013 UBND xã Trung S và vợ chồng ông H xác định còn một số tiền lãi suất chưa thanh toán, tính đến ngày 10/02/2015 (Theo xác nhận của cấp sơ thẩm) thì ông H nộp đơn khởi kiện, nên thời hiệu khởi kiện đối với số tiền lãi suất đang còn theo quy định tại điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của Bị đơn, đình chỉ yêu cầu về tiền

lãi suất của vợ chồng ông H, bà L là không có cơ sở. Bởi vậy một phần nội dung kháng cáo của ông H là có cơ sở chấp nhận để sửa bản án sơ thẩm về yêu cầu lãi suất. Tại thời điểm vay nợ các bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng là vượt quá quy định pháp luật cho phép trên 150%. Do đó theo quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005, lãi suất được tính 150% lãi suất cơ bản tại thời điểm trả nợ (ngày xét xử sơ thẩm). Tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố lãi suất cơ bản là 09%/năm = 0,75%/tháng. Lãi suất được tính cụ thể như sau (Số tiền gốc x 0,75% x 150% x thời gian vay):

*** Số tiền gốc vay 2 lần 10.000.000đ.**

1. Ngày 25/6/1998 trả 850.000đ. Còn 9.150.000đ gốc tính đến ngày 30/6/2000 thời gian tính lãi là 24 tháng 05 ngày.

$9.150.000đ \times 1,125\% \times 24 \text{ tháng } 05 \text{ ngày} = 2.488.000đ$. (Tiền lãi).

+ Từ ngày 30/6/2000 đến 31/8/2017 là 206 tháng

Lãi được tính: $2.488.000đ \times 1,125\% \times 206 \text{ tháng} = 5.125.280đ$

Tổng: 2.488.000đ (Tiền lãi) + 5.125.280đ (Tiền lãi) = **7.613.280đ**.

2. Ngày 30/6/2000 trả gốc 1.023.000đ ($9.150.000đ - 1.023.000đ$) = 8.127.000đ gốc đến ngày 01/8/2000 thời gian tính lãi 01 tháng 01 ngày.

$8.127.000đ \times 1,125\% \times 01 \text{ tháng } 01 \text{ ngày} = 94.475đ$ (Tiền lãi).

+ Từ ngày 01/8/2000 đến 31/8/2017 là 205 tháng

Lãi được tính: $94.475đ \times 1,125\% \times 205 \text{ tháng} = 217.882đ$.

Tổng: 94.475đ (Tiền lãi) + 217.882đ (Tiền lãi) = **312.375đ**.

3. Ngày 01/8/2000 trả gốc 752.000đ ($8.127.000đ - 752.000đ$) = 7.375.000đ gốc đến ngày 17/9/2001 thời gian tính lãi 13 tháng 16 ngày.

$7.375.000đ \times 1,125\% \times 13 \text{ tháng } 16 \text{ ngày} = 1.222.843đ$ (Tiền lãi).

+ Từ ngày 17/9/2001 đến 31/8/2017 là 191 tháng 14 ngày.

Lãi được tính: $1.222.843đ \times 1,125\% \times 191 \text{ tháng } 14 \text{ ngày} = 2.692.128đ$.

Tổng: 1.222.843đ (Tiền lãi) + 2.692.128đ (Tiền lãi) = **3.915.128đ**.

4. Ngày 17/9/2001 trả gốc 1.000.000đ ($7.375.000đ - 1.000.000đ$) = 6.375.000đ gốc đến ngày 27/10/2001 thời gian tính lãi 01 tháng 10 ngày.

$6.375.000đ \times 1,125\% \times 01 \text{ tháng } 10 \text{ ngày} = 95.624đ$ (Tiền lãi).

+ Từ ngày 27/10/2001 đến 31/8/2017 là 190 tháng 04 ngày.

Lãi được tính: $95.624đ \times 1,125\% \times 190 \text{ tháng } 04 \text{ ngày} = 231.561đ$.

Tổng: 95.624đ (Tiền lãi) + 231.561đ (Tiền lãi) = **337.185đ**.

5. Ngày 27/10/2001 trả gốc 1.000.000đ (6.375.000đ – 1.000.000đ) = 5.375.000đ gốc đến ngày 21/6/2002 thời gian tính lãi 9 tháng 24 ngày.

5.375.000đ x 1,125% x 9 tháng 24 ngày = 592.593đ (Tiền lãi).

+ Từ ngày 21/6/2002 đến 31/8/2017 là 190 tháng 04 ngày.

Lãi được tính: 592.593đ x 1,125% x 182 tháng 10 ngày = 1.267.200đ.

Tổng: 592.593đ (Tiền lãi) + 1.267.200đ (Tiền lãi) = **1.859.793đ**.

(Ngày 21/6/2002 trả gốc 375.000đ (5.375.000đ – 375.000đ) = 5.000.000đ).

6. Ngày 04/10/2002 trả gốc 600.000đ (5.000.000đ – 600.000đ) = 4.400.000đ gốc đến ngày 25/6/2003 thời gian tính lãi 8 tháng 21 ngày.

4.400.000đ x 1,125% x 8 tháng 21 ngày = 430.650đ (Tiền lãi).

+ Từ ngày 25/6/2003 đến 31/8/2017 là 170 tháng 05 ngày.

Lãi được tính: 430.650đ x 1,125% x 170 tháng 05 ngày = 739.282đ.

Tổng: 404.250đ (Tiền lãi) + 739.282đ (Tiền lãi) = **1.169.932đ**.

7. Ngày 25/6/2003 trả gốc 1.500.000đ (4.400.000đ – 1.500.000đ) = 2.900.000đ gốc đến ngày 05/7/2004 thời gian tính lãi 12 tháng 10 ngày.

2.900.000đ x 1,125% x 12 tháng 10 ngày = 402.375đ (Tiền lãi).

+ Từ ngày 05/7/2004 đến 31/8/2017 là 157 tháng 26 ngày.

Lãi được tính: 402.375đ x 1,125% x 157 tháng 26 ngày = 749.924đ.

Tổng: 402.375đ (Tiền lãi) + 749.924đ (Tiền lãi) = **1.152.299đ**.

8. Ngày 05/7/2004 trả gốc 1.000.000đ (2.900.000đ – 1.000.000đ) = 1.900.000đ gốc đến ngày 27/6/2005 thời gian tính lãi 11 tháng 22 ngày.

1.900.000đ x 1,125% x 11 tháng 22 ngày = 257.800đ (Tiền lãi).

+ Từ ngày 27/6/2005 đến 31/8/2017 là 146 tháng 04 ngày.

Lãi được tính: 257.800đ x 1,125% x 146 tháng 04 ngày = 427.303đ.

Tổng: 257.800đ (Tiền lãi) + 427.303đ (Tiền lãi) = **685.103đ**.

9. Ngày 27/6/2005 trả gốc 800.000đ (1.900.000đ – 800.000đ) = 1.100.000đ gốc đến ngày 18/8/2006 thời gian tính lãi 13 tháng 21 ngày.

1.100.000đ x 1,125% x 13 tháng 21 ngày = 168.749đ (Tiền lãi).

+ Từ ngày 18/8/2006 đến 31/8/2017 là 132 tháng 13 ngày.

Lãi được tính: 168.749đ x 1,125% x 132 tháng 13 ngày = 258.742đ.

Tổng: 168.749đ (Tiền lãi) + 258.742đ (Tiền lãi) = **427.491đ**.

Đến ngày 18/8/2006 số tiền 1.100.000đ tiền gốc đã trả hết.

Tổng cộng lãi suất từ ngày 25/6/1998 đến ngày 31/8/2017 (Ngày xét xử sơ thẩm) là: **17.472.586 đồng** (Làm tròn 17.472.000đ).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa án dân sự sơ thẩm, nên các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của ông H được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 điều 308; Điều 309 và các Điều 147, 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 131, 473, 474 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 154, Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015. Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông Đoàn Thanh H, sửa Bản án sơ thẩm. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của vợ chồng Ông Đoàn Thanh H(Đoàn Văn Hải) và bà Hoàng Thị Lđòi lại số tiền gốc 6.000.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của vợ chồng Ông Đoàn Thanh H(Đoàn Văn H) và bà Hoàng Thị Lđòi tiền lãi suất. Buộc Ủy ban nhân dân xã Trung S, huyện Đô L, tỉnh Nghệ An phải thanh toán cho vợ chồng Ông Đoàn Thanh H(Đoàn Văn H) và bà Hoàng Thị L số tiền lãi suất là 17.472.000 Đồng (Mười bảy triệu, bốn trăm bảy mươi hai ngàn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Vợ chồng Ông Đoàn Thanh H(Đoàn Văn H) phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 9.042.900 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu số 0001608 ngày 17/4/2017 (Số tiền tạm ứng còn lại hoàn trả cho vợ chồng ông H, bà L).

3.2. Ủy ban nhân dân xã Trung S, huyện Đô L, tỉnh Nghệ An phải chịu 873.600 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả lại cho Ông Đoàn Thanh H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu số 0001682 ngày 12/9/2017.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- THADS H. Đô L;
- TAND H. Đô L;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Phấn